

THÔNG BÁO

Báo cáo quyết toán kinh phí quý 4 năm 2023

Đơn vị tính : đồng

TT	Nội dung	Số tiền	Tỷ lệ
I	CÁC KHOẢN THU, CHI NGOÀI NGÂN SÁCH VÀ KHOẢN THU HỘ, CHI HỘ	913.635	100%
I	Số thu phí, lệ phí		
1	Học phí (nếu có)		
1.1	Số dư năm trước chuyển sang		
1.2	Mức thu		
1.3	Tổng số thu trong năm		
1.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm		
1.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng ⁽⁵⁾		
1.6	Số chi trong năm		
	Trong đó: - Bỏ sung chi lương		
	- Chi tăng cường cơ sở vật chất		
	- Chi nghiệp vụ chuyên môn		
	- Chi khác		
1.7	Số dư cuối năm		
	Dự kiến mức thu (2 năm học tiếp theo đối với GDMN; cả cấp học đối với GDPT và CSGD chuyên biệt; cả khóa học đối với GDTX)		
1.8			
2	Dạy thêm học thêm, học nghề (nếu có)	50.250	100%
	(Mỗi nội dung thực hiện theo bảng kê dưới đây)		
2.1	Dạy học 2 buổi		
2.1.1	Số dư năm trước chuyển sang		
2.1.2	Mức thu	30	
2.1.3	Tổng số thu trong quý	50.250	
2.1.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong quý	50.250	
2.1.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng ⁽⁵⁾	50.250	
2.1.6	Số chi trong quý	50.250	
	Trong đó: - Chi giáo viên giảng dạy và giáo viên phụ trách		
	- Chi khấu hao cơ sở vật chất	50.250	
	- Chi công tác quản lý, chỉ đạo		
	- Chi phúc lợi		
	Chi nộp thuế		
	- Chi khác:.....		



TT	Nội dung	Số tiền	Tỷ lệ
2.1.7	Số dư cuối năm		
3	Thu chi cơ sở vật chất bán trú	52.645	100%
3.1			
3.1.1	Số dư năm trước chuyển sang	10.765	
3.1.2	Tổng số thu trong quý	41.880	
3.1.3	Tổng kinh phí được sử dụng trong quý	52.645	
3.1.4	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng ⁽⁵⁾	52.645	
3.1.5	Số chi trong quý	52.645	
3.1.6	Trong đó: Chi cơ sở vật chất bán trú	52.645	
3.1.6	Số dư cuối năm		
4	Dịch vụ: Trông giữ xe, căng tin, bán trú.... (Nếu có: Liệt kê các dịch vụ thực hiện tại đơn vị, mỗi nội dung thực hiện theo bảng kê dưới đây)	37.320	100%
4.1.			
4.1.1	Số dư quý trước chuyển sang		
4.1.2	Mức thu	30	
4.1.3	Tổng số thu trong quý	37.320	
4.1.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong quý	37.320	
4.1.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng ⁽⁵⁾	37.320	
4.1.6	Số chi trong quý	37.320	
	Trong đó: - Chi cho người tham gia	24.000	
	- Chi thực hiện nghĩa vụ với nhà nước	3.732	
	- Chi khấu hao cơ sở vật chất	9.588	
	- Chi phúc lợi		
	- Chi khác:.....		
4.1.7	Số dư cuối năm		
5	Liên kết giáo dục: Kỹ năng sống, Tiếng Anh tăng cường, Tiếng Anh có yếu tố người nước ngoài, Tin học...(Nếu có: Liệt kê các nội dung liên kết giáo dục được thực hiện tại đơn vị, mỗi nội dung thực hiện theo bảng kê dưới đây)	266.400	100%
5.1	Kỹ năng sống		
5.1.1	Số dư năm trước chuyển sang	0	
5.1.2	Mức thu	48	
5.1.3	Tổng số thu trong năm	39.696	
5.1.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	39.696	
5.1.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng ⁽⁵⁾	39.696	
5.1.6	Số chi trong năm	39.696	
	Trong đó: - Chi theo hợp đồng hoặc cho người dạy....	29.990	
	- Chi khấu hao cơ sở vật chất		
	- Chi công tác quản lý, chỉ đạo.....	3.971	
	- Chi phúc lợi	5.577	

TT	Nội dung	Số tiền	Tỷ lệ
	Chi nộp thuế	158	
5.1.7	Số dư cuối năm		
6.1	Tiếng Anh	104.640	
6.1.1	Số dư năm trước chuyển sang	0	
6.1.2	Mức thu	80	
6.1.3	Tổng số thu trong quý	104.640	
6.1.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong quý	104.640	
6.1.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng ⁽⁵⁾	104.640	
6.1.6	Số chi trong quý	104.640	
	Trong đó: - Chi theo hợp đồng hoặc cho người dạy....	88.944	
	- Chi khấu hao cơ sở vật chất		
	- Chi công tác quản lý, chỉ đạo.....	10.150	
	- Chi phúc lợi	5.232	
	Chi nộp thuế	0	
6.1.7	Số dư cuối năm		
7	Thu chi quỹ đội,, (Nếu có: Liệt kê các nội dung được thực hiện tại đơn vị theo số liệu thực tế, mỗi nội dung thực hiện theo bảng kê dưới đây)		100%
7.1			
7.1.1	Số học sinh		
7.1.2	Mức thu		
7.1.3	Tổng thu		
7.1.4	Chi nộp cấp trên		
7.1.5	Chi hoạt động đội		
8	Quản lý ngoài giờ ... (Nếu có: Liệt kê các nội dung liên kết giáo dục được thực hiện tại đơn vị, mỗi nội dung thực hiện theo bảng kê dưới đây)	178.000	100%
8.1	Quản lý ngoài giờ		
8.1.1	Số dư năm trước chuyển sang		
8.1.2	Mức thu	200	
8.1.3	Tổng số thu trong năm	178.000	
8.1.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	178.000	
8.1.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng ⁽⁵⁾	178.000	
8.1.6	Số chi trong năm	178.000	
	Trong đó: - Chi giáo viên giảng dạy và giáo viên phụ trách	133.500	
	- Chi khấu hao cơ sở vật chất		
	- Chi công tác quản lý, chỉ đạo	0	
	- Chi phúc lợi	7.211	
	Chi nộp thuế	4.560	
	- Chi khác:.....	689	



TT	Nội dung	Số tiền	Tỷ lệ
8.1.7	Số dư cuối năm		
9	Nước uống học sinh... (Nếu có: Liệt kê các nội dung liên kết giáo dục được thực hiện tại đơn vị, mỗi nội dung thực hiện theo bảng kê dưới đây	33.800	100%
9.1			
9.1.1	Số dư năm trước chuyển sang		
9.1.2	Mức thu		
9.1.3	Tổng số thu trong quý	33.800	
9.1.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong quý	33.800	
9.1.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng ⁽⁵⁾	33.800	
9.1.6	Số chi trong quý	33.800	
	Chi cấp phát nước	8.000	
	Chi nước uống học sinh	25.800	
1.1.7	Số dư cuối năm		
10	Chăm sóc bán trú... (Nếu có: Liệt kê các nội dung liên kết giáo dục được thực hiện tại đơn vị, mỗi nội dung thực hiện theo bảng kê dưới đây	38.400	100%
10.1			
10.1.1	Số dư năm trước chuyển sang		
10.1.2	Mức thu		
10.1.3	Tổng số thu trong quý	38.400	
10.1.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong quý	38.400	
10.1.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng ⁽⁵⁾	38.400	
10.1.6	Số chi trong quý	38.400	
	Trong đó: - Chi công tác chăm ăn, chăm ngủ.	38.400.	
	Chi phí nhân công phục vụ bếp ăn		
	Chi nộp thuế		
10.1.7	Số dư cuối năm		
11	Thu chi tiền xuất ăn... (Nếu có: Liệt kê các nội dung liên kết giáo dục được thực hiện tại đơn vị, mỗi nội dung thực hiện theo bảng kê dưới đây	152.180	100%
11.1			
11.1.1	Số dư năm trước chuyển sang		
11.1.2	Mức thu	28	
11.1.3	Tổng số thu trong năm	152.180	
11.1.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	152.180	
11.1.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng ⁽⁵⁾	152.180	
11.1.6	Số chi trong năm	152.180	
	Trong đó: - Chi trả tiền xuất ăn	152.180	
11.1.7	Số dư cuối năm		
TT	Nội dung	Số tiền	Tỷ lệ

TT	Nội dung	Số tiền	Tỷ lệ
1	Ngân sách nhà nước	11.885.268	100%
1.1	Ngân sách chi thường xuyên	6.558.286	
	Số dư kinh phí năm trước chuyển sang	0	
	- Dự toán được giao trong năm		
	Trong đó: + Dự toán giao đầu năm	6.489.500	
	+ Dự toán bổ sung trong năm	73.300	
	+ Kinh phí giảm trong năm	4.514	
	- Kinh phí thực nhận trong năm	6.558.286	
	- Kinh phí quyết toán	6.558.286	
	- Số dư kinh phí được chuyển sang năm sau sử dụng vào quyết toán, bao gồm:		
	+ Kinh phí đã nhận		
	+ Dự toán còn dư ở Kho bạc		
1.2	Ngân sách chi không thường xuyên	5.326.982	100%
	Số dư kinh phí năm trước chuyển sang	0	
	Dự toán được giao trong năm		
	Trong đó: + Dự toán giao đầu năm		
	+ Dự toán bổ sung trong năm	5.326.982	
	+ Kinh phí giảm trong năm		
	- Kinh phí thực nhận trong năm	5.326.982	
	- Kinh phí quyết toán	5.326.982	
	- Số dư kinh phí được chuyển sang năm sau sử dụng vào quyết toán, bao gồm:		
	+ Kinh phí đã nhận		
	+ Dự toán còn dư ở Kho bạc		
2	Tình hình thực hiện kiến nghị của cơ quan Kiểm toán, thanh tra, cơ quan tài chính		
	Tổng số kinh phí phải nộp ngân sách		
	Tổng số kinh phí đã nộp ngân sách		
	Tổng số kinh phí còn phải nộp		
III	NỘI DUNG ĐỐI CHIẾU SỐ LIỆU KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG (Nếu có: Chi tiết từng nguồn)		
1	Học phí		
	Kết quả chênh lệch thu lớn hơn chi trong năm		
	Trong đó: - Trích lập các quỹ		
	+ Quỹ.....		
	+ Quỹ.....		
	+ Quỹ.....		
	- Kinh phí cải cách tiền lương		

TT	Nội dung	Số tiền	Tỷ lệ
2	Học thêm		
	Kết quả chênh lệch thu lớn hơn chi trong năm		
	Trong đó: - Trích lập các quỹ		
	+ Quỹ.....		
	+ Quỹ.....		
	+ Quỹ.....		
	- Kinh phí cải cách tiền lương		
3			
	Kết quả chênh lệch thu lớn hơn chi trong năm		
	Trong đó: - Trích lập các quỹ		
	+ Quỹ.....		
TT	Nội dung	Số tiền	Tỷ lệ
	- Kinh phí cải cách tiền lương		
III	MỨC THU NHẬP HÀNG THÁNG		
1	Mức thu nhập của CBQL		
	Mức cao nhất (đ/người/năm)		
	Mức bình quân (đ/người/năm)		
	Mức thấp nhất (đ/người/năm)		
2	Mức thu nhập của giáo viên		
	Mức cao nhất (đ/người/năm)		
	Mức bình quân (đ/người/năm)		
	Mức thấp nhất (đ/người/năm)		
IV	MỨC CHI CHO HỌC SINH		
1	Mức chi thường xuyên/học sinh (đ/hs/năm học)		
2	Mức chi đầu tư xây dựng, sửa chữa, mua sắm thiết bị (đ/hs/năm học)		

Ngày 15 tháng 01 năm 2024

NGƯỜI LẬP

ghur

Trần Thị Thu

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



Ngô Thị Huyền

THÔNG BÁO

Báo cáo quyết toán kinh phí năm 2023

Đơn vị tính : đồng

TT	Nội dung	Số tiền	Tỷ lệ
I	CÁC KHOẢN THU, CHI NGOÀI NGÂN SÁCH VÀ KHOẢN THU HỘ, CHI HỘ	2.320.440	100%
I	Số thu phí, lệ phí		
1	Học phí (nếu có)		
1.1	Số dư năm trước chuyển sang		
1.2	Mức thu		
1.3	Tổng số thu trong năm		
1.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm		
1.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng ⁽⁵⁾		
1.6	Số chi trong năm		
	Trong đó: - Bổ sung chi lương		
	- Chi tăng cường cơ sở vật chất		
	- Chi nghiệp vụ chuyên môn		
	- Chi khác		
1.7	Số dư cuối năm		
	Dự kiến mức thu (2 năm học tiếp theo đối với GDMN; cả cấp học đối với GDPT và CSGD chuyên biệt; cả khóa học đối với GDTX)		
2	Dạy thêm học thêm, học nghề (nếu có)	254.835	100%
	(Mỗi nội dung thực hiện theo bảng kê dưới đây)		
2.1	Dạy học 2 buổi		
2.1.1	Số dư năm trước chuyển sang	62.505	
2.1.2	Mức thu	30	
2.1.3	Tổng số thu trong năm	192.330	
2.1.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	254.835	
2.1.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng ⁽⁵⁾	254.835	
2.1.6	Số chi trong năm	254.835	
	Trong đó: - Chi giáo viên giảng dạy và giáo viên phụ trách		
	- Chi khấu hao cơ sở vật chất	195.124	
	- Chi công tác quản lý, chỉ đạo		
	- Chi phúc lợi		
	Chi nộp thuế		
	- Chi khác:.....	59.711	



TT	Nội dung	Số tiền	Tỷ lệ
2.1.7	Số dư cuối năm		
3	Thi chi cơ sở vật chất bán trú	52.645	100%
3.1			
3.1.1	Số dư năm trước chuyển sang	10.765	
3.1.2	Tổng số thu trong năm	41.880	
3.1.3	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	52.645	
3.1.4	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng ⁽⁵⁾	52.645	
3.1.5	Số chi trong năm	52.645	
3.1.6	Trong đó: Chi cơ sở vật chất bán trú	52.645	
3.1.6	Số dư cuối năm		
4	Dịch vụ: Trông giữ xe, căng tin, bán trú.... (Nếu có: Liệt kê các dịch vụ thực hiện tại đơn vị, mỗi nội dung thực hiện theo bảng kê dưới đây)	99.300	100%
4.1.			
4.1.1	Số dư năm trước chuyển sang	2.070	
4.1.2	Mức thu	30	
4.1.3	Tổng số thu trong năm	97.230	
4.1.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	99.300	
4.1.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng ⁽⁵⁾	99.300	
4.1.6	Số chi trong năm	99.300	
	Trong đó: - Chi cho người tham gia	54.000	
	- Chi thực hiện nghĩa vụ với nhà nước	8.215	
	- Chi khấu hao cơ sở vật chất	37.085	
	- Chi phúc lợi		
	- Chi khác:.....		
4.1.7	Số dư cuối năm		
5	Liên kết giáo dục: Kỹ năng sống, Tiếng Anh tăng cường, Tiếng Anh có yếu tố người nước ngoài, Tin học...(Nếu có: Liệt kê các nội dung liên kết giáo dục được thực hiện tại đơn vị, mỗi nội dung thực hiện theo bảng kê dưới đây)	266.400	100%
5.1	Kỹ năng sống		
5.1.1	Số dư năm trước chuyển sang	0	
5.1.2	Mức thu	48	
5.1.3	Tổng số thu trong năm	217.056	
5.1.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	217.056	
5.1.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng ⁽⁵⁾	217.056	
5.1.6	Số chi trong năm	217.056	
	Trong đó: - Chi theo hợp đồng hoặc cho người dạy....	173.645	
	- Chi khấu hao cơ sở vật chất		
	- Chi công tác quản lý, chỉ đạo.....	21.706	
	- Chi phúc lợi	16.220	

TT	Nội dung	Số tiền	Tỷ lệ
	Chi nộp thuế	5.486	
5.1.7	Số dư cuối năm		
6.1	Tiếng Anh	104.640	
6.1.1	Số dư năm trước chuyển sang	0	
6.1.2	Mức thu	80	
6.1.3	Tổng số thu trong năm	104.640	
6.1.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	104.640	
6.1.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng ⁽⁵⁾	104.640	
6.1.6	Số chi trong năm	104.640	
	Trong đó: - Chi theo hợp đồng hoặc cho người dạy....	88.944	
	- Chi khấu hao cơ sở vật chất		
	- Chi công tác quản lý, chỉ đạo.....	10.150	
	- Chi phúc lợi	5.232	
	Chi nộp thuế	0	
6.1.7	Số dư cuối năm		
7	Thu chi quỹ đội,, (Nếu có: Liệt kê các nội dung được thực hiện tại đơn vị theo số liệu thực tế, mỗi nội dung thực hiện theo bảng kê dưới đây)	41.940	100%
7.1			
7.1.1	Số học sinh		
7.1.2	Mức thu	45	
7.1.3	Tổng thu	41.940	
7.1.4	Chi nộp cấp trên	8.250	
7.1.5	Chi hoạt động đội	33.690	
8	Quản lý ngoài giờ ... (Nếu có: Liệt kê các nội dung liên kết giáo dục được thực hiện tại đơn vị, mỗi nội dung thực hiện theo bảng kê dưới đây)	954.104	100%
8.1	Quản lý ngoài giờ		
8.1.1	Số dư năm trước chuyển sang	7.704	
8.1.2	Mức thu	200	
8.1.3	Tổng số thu trong năm	954.104	
8.1.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	946.400	
8.1.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng ⁽⁵⁾	954.104	
8.1.6	Số chi trong năm	954.104	
	Trong đó: - Chi giáo viên giảng dạy và giáo viên phụ trách	709.800	
	- Chi khấu hao cơ sở vật chất		
	- Chi công tác quản lý, chỉ đạo	208.654	
	- Chi phúc lợi	7.211	
	Chi nộp thuế	27.632	
	- Chi khác:.....	807	



TT	Nội dung	Số tiền	Tỷ lệ
8.1.7	Số dư cuối năm		
9	Nước uống học sinh... (Nếu có: Liệt kê các nội dung liên kết giáo dục được thực hiện tại đơn vị, mỗi nội dung thực hiện theo bảng kê dưới đây	93.626	100%
9.1			
9.1.1	Số dư năm trước chuyển sang	12.226	
9.1.2	Mức thu		
9.1.3	Tổng số thu trong năm	81.400	
9.1.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	93.626	
9.1.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng ⁽⁵⁾	93.626	
9.1.6	Số chi trong năm	93.626	
	Chi cấp phát nước	17.000	
	Chi nước uống học sinh	76.626	
1.1.7	Số dư cuối năm		
10	Chăm sóc bán trú... (Nếu có: Liệt kê các nội dung liên kết giáo dục được thực hiện tại đơn vị, mỗi nội dung thực hiện theo bảng kê dưới đây	102.894	100%
10.1			
10.1.1	Số dư năm trước chuyển sang	504	
10.1.2	Mức thu		
10.1.3	Tổng số thu trong năm	102.390	
10.1.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	102.894	
10.1.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng ⁽⁵⁾	102.894	
10.1.6	Số chi trong năm	102.894	
	Trong đó: - Chi công tác chăm ăn, chăm ngủ.	94.810	
	Chi phí nhân công phục vụ bếp ăn	6.300	
	Chi nộp thuế	1.784	
10.1.7	Số dư cuối năm		
11	Thu chi tiền xuất ăn... (Nếu có: Liệt kê các nội dung liên kết giáo dục được thực hiện tại đơn vị, mỗi nội dung thực hiện theo bảng kê dưới đây	350.056	100%
11.1			
11.1.1	Số dư năm trước chuyển sang		
11.1.2	Mức thu	28	
11.1.3	Tổng số thu trong năm	350.056	
11.1.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	350.056	
11.1.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng ⁽⁵⁾	350.056	
11.1.6	Số chi trong năm	350.056	
	Trong đó: - Chi trả tiền xuất ăn	350.056	
11.1.7	Số dư cuối năm		
TT	Nội dung	Số tiền	Tỷ lệ

TT	Nội dung	Số tiền	Tỷ lệ
1	Ngân sách nhà nước	11.885.268	100%
1.1	Ngân sách chi thường xuyên	6.558.286	
	Số dư kinh phí năm trước chuyển sang	0	
	- Dự toán được giao trong năm		
	Trong đó: + Dự toán giao đầu năm	6.489.500	
	+ Dự toán bổ sung trong năm	73.300	
	+ Kinh phí giảm trong năm	4.514	
	- Kinh phí thực nhận trong năm	6.558.286	
	- Kinh phí quyết toán	6.558.286	
	- Số dư kinh phí được chuyển sang năm sau sử dụng vào quyết toán, bao gồm:		
	+ Kinh phí đã nhận		
	+ Dự toán còn dư ở Kho bạc		
1.2	Ngân sách chi không thường xuyên	5.326.982	100%
	Số dư kinh phí năm trước chuyển sang	0	
	Dự toán được giao trong năm		
	Trong đó: + Dự toán giao đầu năm		
	+ Dự toán bổ sung trong năm	5.326.982	
	+ Kinh phí giảm trong năm		
	- Kinh phí thực nhận trong năm	5.326.982	
	- Kinh phí quyết toán	5.326.982	
	- Số dư kinh phí được chuyển sang năm sau sử dụng vào quyết toán, bao gồm:		
	+ Kinh phí đã nhận		
	+ Dự toán còn dư ở Kho bạc		
2	Tình hình thực hiện kiến nghị của cơ quan Kiểm toán, thanh tra, cơ quan tài chính		
	Tổng số kinh phí phải nộp ngân sách		
	Tổng số kinh phí đã nộp ngân sách		
	Tổng số kinh phí còn phải nộp		
III	NỘI DUNG ĐỐI CHIẾU SỐ LIỆU KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG (Nếu có: Chi tiết từng nguồn)		
1	Học phí		
	Kết quả chênh lệch thu lớn hơn chi trong năm		
	Trong đó: - Trích lập các quỹ		
	+ Quỹ.....		
	+ Quỹ.....		
	+ Quỹ.....		
	- Kinh phí cải cách tiền lương		



TT	Nội dung	Số tiền	Tỷ lệ
2	Học thêm		
	Kết quả chênh lệch thu lớn hơn chi trong năm		
	Trong đó: - Trích lập các quỹ		
	+ Quỹ.....		
	+ Quỹ.....		
	+ Quỹ.....		
	- Kinh phí cải cách tiền lương		
3			
	Kết quả chênh lệch thu lớn hơn chi trong năm		
	Trong đó: - Trích lập các quỹ		
	+ Quỹ.....		
TT	Nội dung	Số tiền	Tỷ lệ
	- Kinh phí cải cách tiền lương		
III	MỨC THU NHẬP HÀNG THÁNG		
1	Mức thu nhập của CBQL		
	Mức cao nhất (đ/người/năm)		
	Mức bình quân (đ/người/năm)		
	Mức thấp nhất (đ/người/năm)		
2	Mức thu nhập của giáo viên		
	Mức cao nhất (đ/người/năm)		
	Mức bình quân (đ/người/năm)		
	Mức thấp nhất (đ/người/năm)		
IV	MỨC CHI CHO HỌC SINH		
1	Mức chi thường xuyên/học sinh (đ/hs/năm học)		
2	Mức chi đầu tư xây dựng, sửa chữa, mua sắm thiết bị (đ/hs/năm học)		

Ngày 01 tháng 02 năm 2024

NGƯỜI LẬP

Thư

Trần Thị Thu

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



Ngô Thị Huyền